

2. Dự báo chất lượng nước ngày 25/06÷02/07/2025

Kết quả dự báo các chỉ số chính bao gồm: độ mặn, DO, BOD₅, TN. Bảng giá trị dự báo các thông số được thể hiện dưới đây:

2.1. Độ mặn

Độ mặn trong tuần dự báo dao động từ 0,12÷15,74‰, ổn định so với tuần trước. Tại tiểu vùng ngọt hóa, độ mặn duy trì ở mức phù hợp trồng lúa. Tại tiểu vùng chuyển đổi, độ mặn vị trí QL10 tại nhiều ngày trong tuần có độ mặn thấp dưới mức 4‰, chưa hoàn toàn thích hợp nuôi tôm.

Bảng 1: Giá trị dự báo độ mặn tại các điểm giám sát từ 25/06÷02/07/2025

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo								%o	
		25/06	26/06	27/06	28/06	29/06	30/06	01/07	02/07	Min	Max
QL1	Ngọt hóa	0,43	0,45	0,45	0,44	0,42	0,38	0,36	0,35	0,35	0,45
QL2		0,33	0,52	0,24	0,14	0,66	0,31	0,57	0,47	0,14	0,66
QL8		0,17	0,29	0,24	0,19	0,26	0,24	0,12	0,30	0,12	0,30
QL9		0,12	0,16	0,13	0,20	0,24	0,23	0,24	0,14	0,12	0,24
QL13		0,30	0,18	0,23	0,20	0,27	0,27	0,16	0,19	0,16	0,30
QL3	Chuyển đổi	14,98	14,62	14,16	13,71	13,16	10,65	10,27	10,02	10,02	14,98
QL4		14,07	14,31	14,63	14,92	15,13	15,01	13,99	13,63	13,63	15,13
QL5		15,32	15,42	15,43	15,32	15,21	15,18	15,20	15,20	15,18	15,43
QL6		6,12	5,67	5,54	4,96	4,29	5,26	5,27	6,79	4,29	6,79
QL7		11,91	11,86	11,73	11,56	11,42	11,30	11,18	10,93	10,93	11,91
QL10		4,18	4,52	3,71	2,81	2,11	1,48	0,85	0,40	0,40	4,52
QL11		10,52	10,23	9,49	8,32	6,99	6,10	5,74	5,17	5,17	10,52
QL12		14,97	15,20	15,48	15,64	15,74	15,73	15,56	15,25	14,97	15,74
Ranh mặn		<1 %o	1%o-4%o		>4%o						

2.2. Oxy hòa tan (DO)

Kết quả dự báo hàm lượng DO trong tuần dao động trong khoảng 3,25÷6,17 mg/l, ổn định so với tuần trước. Hầu hết các vị trí đều có hàm lượng DO đạt QCVN08:2023/BTNMT, Bảng 2 mức B đảm bảo nhu cầu cấp nước canh tác nông nghiệp. Ngoại trừ vị trí QL01 có nồng độ Oxy hòa tan thấp dưới mức 5 mg/l, chưa đáp ứng yêu cầu để cấp nước cho sản xuất nông nghiệp. Cần chú ý tăng hàm lượng Oxy trong nước ở tiểu vùng chuyển đổi để đảm bảo sức khỏe của đối tượng nuôi.

Bảng 2: Giá trị dự báo DO tại các điểm giám sát từ 25/06÷02/07/2025

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo								mg/l	
		27/05	28/05	29/05	30/05	31/05	01/06	02/06	03/06	Min	Max
QL1	Ngọt hóa	3,27	3,27	3,25	3,26	3,27	3,29	4,39	4,74	3,25	4,74
QL2		5,49	5,54	5,55	5,52	5,45	5,37	5,27	4,57	4,57	5,55
QL8		5,12	5,05	5,04	5,02	5,03	5,08	5,14	4,97	4,97	5,14
QL9		6,05	6,02	5,95	5,92	5,92	5,93	5,94	5,95	5,92	6,05
QL13		5,89	5,91	5,90	5,89	5,90	5,91	5,90	5,91	5,89	5,91

QL3	Chuyển đổi	5,92	5,91	5,89	5,87	5,85	5,85	5,84	5,83	5,83	5,92
QL4		6,17	6,17	6,16	6,16	6,03	5,92	5,86	5,86	5,86	6,17
QL5		5,87	5,88	5,88	5,87	5,86	5,84	5,81	5,79	5,79	5,88
QL6		5,29	5,25	5,21	5,22	5,26	5,31	5,37	5,42	5,21	5,42
QL7		5,72	5,61	5,47	5,37	5,30	5,28	5,33	5,39	5,28	5,72
QL10		5,84	5,85	5,87	5,89	5,91	5,93	5,94	5,94	5,84	5,94
QL11		5,77	5,77	5,76	5,76	5,74	5,36	5,37	5,37	5,36	5,77
QL12		5,42	5,44	5,45	5,44	5,43	5,42	5,40	5,38	5,38	5,45
QCVN08:2023 (Bảng 2)		Đạt mức A: $\geq 6,0$			Đạt mức B: $\geq 5,0$			Không đạt mức B: $< 5,0$			

2.3. Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD₅)

Hàm lượng BOD₅ trong tuần dự báo dao động từ 10,02 – 21,39 mg/l, giảm nhẹ so với tuần trước. Tuy nhiên, trong cả 2 tiểu vùng ngọt hoá, chuyển đổi, BOD₅ tiếp tục duy trì ở mức cao, vượt mức B nhiều lần cho thấy nước vẫn chịu tác động từ ô nhiễm hữu cơ. Các điểm như QL1, QL6 có mức BOD₅ cao trên 16 mg/l, phản ánh tình trạng chất lượng nước vẫn còn ô nhiễm hữu cơ nặng.

Bảng 3: Giá trị dự báo BOD₅ tại các điểm giám sát từ 25/06÷02/07/2025

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo								mg/l	
		27/05	28/05	29/05	30/05	31/05	01/06	02/06	03/06	Min	Max
QL1	Ngọt hóa	17,81	19,28	20,25	20,75	21,02	21,24	21,39	21,17	17,81	21,39
QL2		14,24	14,57	14,58	14,93	15,26	15,63	15,75	15,06	14,24	15,75
QL8		13,39	12,84	11,80	10,96	10,51	10,34	10,39	10,78	10,34	13,39
QL9		16,02	15,48	15,32	16,67	16,43	15,85	16,04	16,34	15,32	16,67
QL13		14,66	14,56	14,41	14,35	14,21	14,16	14,18	14,34	14,16	14,66
QL3	Chuyển đổi	13,59	13,70	13,09	12,23	12,25	12,26	12,57	12,62	12,23	13,70
QL4		13,73	14,39	15,24	15,97	16,14	15,61	14,68	14,67	13,73	16,14
QL5		11,72	11,60	11,37	11,13	10,97	10,89	10,90	10,90	10,89	11,72
QL6		17,34	16,08	14,97	14,46	14,83	15,82	17,01	17,60	14,46	17,60
QL7		13,51	13,56	13,60	13,54	13,42	13,29	13,07	12,77	12,77	13,60
QL10		12,74	12,43	12,18	12,21	12,44	12,60	12,85	13,13	12,18	13,13
QL11		14,93	15,36	15,76	15,15	14,15	13,31	13,59	15,28	13,31	15,76
QL12		10,02	10,04	10,09	10,21	10,34	10,43	10,46	10,45	10,02	10,46
QCVN08:2023 (Bảng 2)		Đạt mức A: ≤ 4			Đạt mức B: ≤ 6			Không đạt mức B: > 6			

2.4. Tổng Nito (TN)

Giá trị TN trong tuần dao động từ 1,25 – 6,62 mg/l, giảm nhẹ so với tuần trước. Tuy nhiên, ngoại trừ vị trí QL5 hầu hết các vị trí trong vùng HTTL đều có nồng độ ô nhiễm tổng Nito vượt mức B, hầu hết các vị trí đều có nồng độ TN cao vượt ngưỡng mức B theo QCVN08:2023, đặc biệt tại điểm QL1, QL2, QL6 và QL7 có nồng độ TN cao nhất vượt mức 6 mg/l tại nhiều thời điểm trong tuần.

Bảng 4: Giá trị dự báo TN tại các điểm giám sát từ 25/06÷02/07/2025

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo								mg/l	
		27/05	28/05	29/05	30/05	31/05	01/06	02/06	03/06	Min	Max
QL1	Ngọt hóa	6,08	6,12	6,20	6,32	6,55	6,62	6,34	6,26	6,08	6,62
QL2		6,24	6,16	6,10	6,08	6,12	6,20	6,32	6,55	6,08	6,55
QL8		2,50	2,50	2,54	2,62	2,75	2,65	2,51	2,33	2,33	2,75
QL9		3,07	2,96	2,86	2,77	2,71	2,68	2,64	2,59	2,59	3,07
QL13		3,69	3,76	3,83	3,89	3,95	3,63	3,65	3,61	3,61	3,95
QL3	Chuyển đổi	3,22	3,12	3,07	3,04	3,01	3,01	3,03	3,06	3,01	3,22
QL4		1,83	1,75	1,68	1,64	1,62	1,65	1,69	1,74	1,62	1,83
QL5		1,25	1,31	1,35	1,38	1,41	1,44	1,47	1,51	1,25	1,51
QL6		6,44	6,25	6,15	6,14	6,18	6,27	6,33	6,36	6,14	6,44
QL7		5,89	6,01	6,19	6,32	6,36	6,38	6,37	6,34	5,89	6,38
QL10		4,17	4,23	4,23	4,26	4,32	4,35	4,42	4,55	4,17	4,55
QL11		4,34	4,32	3,89	3,30	3,53	3,86	4,18	4,46	3,30	4,46
QL12		2,76	2,67	2,58	2,53	2,54	2,61	2,72	2,82	2,53	2,82
QCVN08:2023 (Bảng 2)		Đạt mức A: ≤ 0,6			Đạt mức B: ≤ 1,5			Không đạt mức B: > 1,5			

Khuyến cáo: Trong khoảng thời gian dự báo, độ mặn khá tương đồng so với tuần trước. Nồng độ Oxy hoà tan ở mức thích hợp cho SXNN, tuy nhiên cần theo dõi thêm tại vị trí QL1 có hàm lượng DO thấp có thể ảnh hưởng đến chất lượng nước sản xuất nông nghiệp và sinh thái thủy sinh. Ô nhiễm hữu cơ và dinh dưỡng duy trì ở mức cao tại tất cả các vị trí, hầu hết đều vượt quy chuẩn mức B QCVN08:2023/BTNMT. Cần có các biện pháp cảnh báo, xử lý kịp thời, thích hợp để tránh gây ảnh hưởng đến các hoạt động sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp của người dân.

Nơi nhận

Lãnh đạo Bộ (để b/c);

- Lãnh đạo Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo Sở NN&MT, CTTL, Công ty khai thác công trình thủy lợi các tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cà Mau;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi (để b/c);
- Webgis Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi, Website Viện Kỹ thuật Biển (để b/c);

Lưu TT TNB&ĐB


VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KỸ THUẬT BIỂN
Phạm Văn Tùng